

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 397 | Ngày: 10/07/2026 21:47

## Thông tin ca làm việc

Người tạo: Kiều Quốc Kiệt

Doanh thu: 746.750 đ

Tiền mặt: 208.750 đ

Chuyển khoản Tingbox: 518.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

Doanh thu cả ngày: 3.052.750 đ

Tiền mặt cả ngày: 1.787.250 đ

Chuyển khoản cả ngày: 1.245.500 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 0 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên           | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Bánh Orio     | 6.00 Cái    | 0.54 Cây    | 0.00 Cây        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2   | Bột Cacao     | 270.00 gram | 0.46 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3   | Bột Đá Xay    | 490.00 gram | 0.51 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4   | Bột Milk Foam | 346.00 gram | 0.65 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5   | Bơ Đậu Phộng  | 233.00 gram | 0.00 hủ     | 0.00 hủ         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6   | Cà Phê        | 413.00 gram | 1.59 túi    | 1.00 túi        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                  | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 7   | Đào Ngâm             | 926.00 gram | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8   | Mút đào              | 392.00 gram | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 9   | Hồng Trà             | 304.00 gram | 0.49 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10  | Soda                 | 17.00 lon   | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11  | Syrup Bạc Hà         | 203.00 ml   | 0.51 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12  | Syrup Lựu Đỏ         | 305.00 ml   | 0.56 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13  | Mút Chanh Dây        | 179.00 ml   | 0.12 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14  | Mút Kiwi             | 388.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15  | Mút Mãng Cầu         | 622.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16  | Mút Việt Quất        | 996.00 ml   | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17  | Mút Xoài             | 661.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18  | Sữa Tươi Không Đường | 1412.00 ml  | 1.59 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19  | Syrup Curacao        | 1010.00 ml  | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20  | Syrup Đào            | 750.00 ml   | 0.25 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                    | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|------------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 21  | Trà Ô Long             | 310.00 gram  | 0.48 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22  | Nước suối              | 22.00 chai   | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 23  | Trà Ô Long Đào         | 520.00 gram  | 0.13 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24  | Trân Châu 3Q Ngọc Trai | 262.00 gram  | 0.87 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25  | Sốt Matcha             | 474.00 ml    | 0.25 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26  | Sốt Caramel            | 396.00 ml    | 0.37 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27  | Sốt Chocolate          | 563.00 ml    | 0.11 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28  | Syrup Táo              | 210.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29  | Bột Kem Muối           | 368.00 ml    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30  | Bia Heineken bạc       | 11.00 Lon    | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31  | Bia Heineken xanh      | 19.00 Lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32  | Cam                    | 1404.00 gram | 1.60 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33  | Cà Rốt                 | 1112.00 gram | 1.89 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34  | Chanh Vàng             | 415.00 gram  | 0.00 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                       | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 35  | Coca Cola                 | 8.00 lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36  | Dưa Hấu                   | 1511.00     | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 37  | Pepsi                     | 6.00 lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38  | Vải Ngâm                  | 13.00 Trái  | 0.00 Trái   | 15.00 Trái      | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39  | Đậu Phộng Tỏi Ớt          | 26.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40  | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 26.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41  | Hướng Dương               | 31.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42  | Bánh Sữa Lớn              | 27.00 Bịch  | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43  | Bột Matcha                | 411.00 gram | 0.18 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44  | Trà lài                   | 173.00 Gram | 0.00 Gói    | 9.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 45  | Rich lùn                  | 147.00 ml   | 0.00 hộp    | 0.00 hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....